

Mẫu số 01-A

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 261/CBTT-DMH

Huế, ngày 16 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dệt May Huế thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dệt May Huế

- Mã chứng khoán: HDM
- Địa chỉ: Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thanh Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0234.3.864.337
- Email: info@huegatex.com.vn Website: huegatex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC đã được kiểm toán năm 2025:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 16/03/2026 tại đường dẫn: <https://huegatex.com.vn/vi/co-dong>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC;
- Văn bản giải trình số 260/CBTT - DMH ngày 16/03/2026

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Liên





Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	3103000140	ngày 17 tháng 11 năm 2005
	3300100628 (thay đổi lần thứ 1)	ngày 21 tháng 5 năm 2012
	3300100628 (thay đổi lần thứ 2)	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	3300100628 (thay đổi lần thứ 3)	ngày 17 tháng 2 năm 2017
	3300100628 (thay đổi lần thứ 4)	ngày 9 tháng 4 năm 2018
	3300100628 (thay đổi lần thứ 5)	ngày 30 tháng 12 năm 2021
	3300100628 (thay đổi lần thứ 6)	ngày 22 tháng 7 năm 2022
	3300100628 (thay đổi lần thứ 7)	ngày 29 tháng 6 năm 2023
	3300100628 (thay đổi lần thứ 8)	ngày 31 tháng 12 năm 2024
	3300100628 (thay đổi lần thứ 9)	ngày 4 tháng 1 năm 2025
	3300100628 (thay đổi lần thứ 10)	ngày 1 tháng 7 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300100628 ngày 1 tháng 7 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Huế cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên
Bà Trần Thị Thuần	Thành viên (từ ngày 25/4/2025)
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên (đến ngày 25/4/2025)

Ban Điều hành

Bà Nguyễn Hồng Liên	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2025)
Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Tư	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/4/2025)
Bà Trần Thị Thuần	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/4/2025)
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Khánh Chi	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên
Ông Hồ Nam Phong	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thanh Thủy
Thành phố Huế, Việt Nam
(địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:
Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương
Thị xã Hương Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam)

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Điều hành

Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Huế, ngày 16 tháng 3 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 25-04-00046-26-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thùy Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3846-2022-007-1

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.019.646.241.689	820.074.737.085
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	130.891.327.316	54.131.609.503
Tiền	111		7.891.327.316	22.131.609.503
Các khoản tương đương tiền	112		123.000.000.000	32.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		188.000.000.000	54.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	188.000.000.000	54.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		431.960.070.708	420.484.052.030
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	361.141.372.899	342.713.691.965
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	50.443.746.901	81.864.946.988
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	26.959.718.144	2.371.064.588
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(6.584.767.236)	(6.465.651.511)
Hàng tồn kho	140	11	239.344.650.548	281.198.213.226
Hàng tồn kho	141		240.688.260.600	282.835.626.731
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.343.610.052)	(1.637.413.505)
Tài sản ngắn hạn khác	150		29.450.193.117	10.260.862.326
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.215.508.944	3.252.049.724
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.234.684.173	7.008.812.602

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		356.127.504.822	316.780.688.703
Các khoản phải thu dài hạn	210		921.000.000	921.021.869
Phải thu dài hạn khác	216		921.000.000	921.021.869
Tài sản cố định	220		253.873.776.171	294.738.185.304
Tài sản cố định hữu hình	221	12	253.714.607.272	294.291.082.396
<i>Nguyên giá</i>	222		1.111.140.934.305	1.098.863.292.898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(857.426.327.033)	(804.572.210.502)
Tài sản cố định vô hình	227	13	159.168.899	447.102.908
<i>Nguyên giá</i>	228		3.647.399.579	3.500.399.579
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.488.230.680)	(3.053.296.671)
Tài sản dở dang dài hạn	240		87.148.925.420	1.139.366.296
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	87.148.925.420	1.139.366.296
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	10.018.455.897	10.018.455.897
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.184.054.682	11.184.054.682
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.165.598.785)	(1.165.598.785)
Tài sản dài hạn khác	260		4.165.347.334	9.963.659.337
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	4.165.347.334	7.372.269.724
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	2.591.389.613
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.375.773.746.511	1.136.855.425.788

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		855.914.956.756	723.521.721.545
Nợ ngắn hạn	310		717.218.652.399	642.644.197.776
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	63.521.886.442	59.544.642.236
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.489.978.219	843.395.771
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	14.727.276.867	15.250.355.454
Phải trả người lao động	314		167.523.185.567	130.995.787.288
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.062.871.067	2.475.187.994
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	33.263.240.665	41.792.117.252
Vay ngắn hạn	320	19(a)	380.297.738.871	351.451.313.141
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	49.332.474.701	40.291.398.640
Nợ dài hạn	330		138.696.304.357	80.877.523.769
Vay dài hạn	338	19(b)	102.696.304.357	80.877.523.769
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	21	36.000.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		519.858.789.755	413.333.704.243
Vốn chủ sở hữu	410	22	519.858.789.755	413.333.704.243
Vốn cổ phần	411	23	200.962.590.000	200.962.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.962.590.000	200.962.590.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	147.478.956.722	127.478.956.722
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		171.417.243.033	84.892.157.521
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.777.581.460	35.777.869.876
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		120.639.661.573	49.114.287.645
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.375.773.746.511	1.136.855.425.788

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Thân Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Liên
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	2.271.609.064.894	1.953.400.922.993
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	144.513.016	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	2.271.464.551.878	1.953.400.922.993
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.927.922.142.252	1.694.683.303.439
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		343.542.409.626	258.717.619.554
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	41.919.408.657	43.373.998.648
Chi phí tài chính	22	30	25.002.270.973	41.543.868.735
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.169.984.799	17.070.917.575
Chi phí bán hàng	25	31	63.988.687.700	63.512.490.059
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	110.929.619.286	63.188.738.234
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		185.541.240.324	133.846.521.174
Thu nhập khác	31	33	11.895.002.540	13.296.554.936
Chi phí khác	32		7.979.942.546	9.811.148.085
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.915.059.994	3.485.406.851
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		189.456.300.318	137.331.928.025
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	36.080.860.632	29.219.657.771
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	35	2.591.389.613	(1.290.794.391)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		150.784.050.073	109.403.064.645
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	6.535	4.831

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	189.456.300.318	137.331.928.025
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	59.509.218.795	59.215.300.481
Các khoản dự phòng	03	(174.687.728)	(2.855.423.251)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	972.493.670	2.113.610.291
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.593.726.486)	(7.263.764.925)
Chi phí lãi vay	06	15.169.984.799	17.070.917.575
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	07	36.000.000.000	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	289.339.583.368	205.612.568.196
Biến động các khoản phải thu	09	(52.160.512.651)	(7.651.772.462)
Biến động hàng tồn kho	10	42.147.366.131	11.136.999.392
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	47.474.591.148	(10.670.272.747)
Biến động chi phí trả trước	12	3.243.463.170	10.958.936.388
		330.044.491.166	209.386.458.767
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.439.947.104)	(17.224.619.748)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.265.619.953)	(28.767.278.986)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.400.000	1.380.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.081.900.000)	(3.624.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	273.265.424.109	159.771.640.033
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(84.160.017.239)	(79.051.903.306)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	538.249.164	570.274.914
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(216.000.000.000)	(32.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	82.000.000.000	81.000.000.000
Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	9.902.003.347	6.487.803.984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(207.719.764.728)	(22.993.824.408)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.387.718.351.873	1.276.749.658.115
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.336.855.740.251)	(1.368.562.050.760)
Tiền trả cổ tức	36		(39.649.329.555)	(80.873.696.535)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.213.282.067	(172.686.089.180)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		76.758.941.448	(35.908.273.555)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		54.131.609.503	90.010.006.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		776.365	29.876.401
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	130.891.327.316	54.131.609.503

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi;
- Nhuộm và hoàn tất vải sợi;
- Sản xuất các mặt hàng và sản phẩm dệt may; và
- Kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 4.388 nhân viên (1/1/2025: 4.249 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) **Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

(l) **Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

(m) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) ***Doanh thu dịch vụ gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên giao gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) ***Thu nhập từ tiền lãi***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) ***Thu nhập từ cổ tức***

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) **Thuê tài sản**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Việt Nam
- Các vùng khác

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Châu Mỹ		Tổng cộng	
	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	1.192.618.793.701	906.759.842.583	12.603.889.157	36.475.037.671	288.841.829.836	238.597.030.852	777.400.039.184	771.569.011.887	2.271.464.551.878	1.953.400.922.993
Kết quả kinh doanh của bộ phận	135.307.368.863	81.162.130.878	2.025.110.303	3.433.015.379	40.464.431.912	24.064.841.530	165.745.498.548	150.057.631.767	343.542.409.626	258.717.619.554
Thu nhập không phân bổ									41.919.408.657	43.373.998.648
Chi phí không phân bổ									(199.920.577.959)	(168.245.097.028)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									185.541.240.324	133.846.521.174
Thu nhập khác									11.895.002.540	13.296.554.936
Chi phí khác									(7.979.942.546)	(9.811.148.085)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(38.672.250.245)	(27.928.863.380)
Lợi nhuận thuần sau thuế									150.784.050.073	109.403.064.645

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Châu Mỹ		Tổng cộng	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản của bộ phận	124.134.761.374	72.760.961.884	-	7.619.781.404	19.829.952.004	31.204.051.625	217.176.659.521	231.128.897.052	361.141.372.899	342.713.691.965
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ									1.014.632.373.612	794.141.733.823
Tổng tài sản									1.375.773.746.511	1.136.855.425.788
Các khoản nợ của bộ phận	655.025.675	-	-	-	926.027.561	342.209.496	908.924.983	501.186.275	2.489.978.219	843.395.771
Các khoản nợ không phân bổ									853.424.978.537	722.678.325.774
Tổng nợ phải trả									855.914.956.756	723.521.721.545
									2025 VND	2024 VND
Chi tiêu vốn									84.160.017.239	79.051.903.306
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									59.074.284.786	58.749.200.921
Khấu hao tài sản cố định vô hình									434.934.009	466.099.560

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	335.216.330	292.925.060
Tiền gửi ngân hàng	7.556.110.986	21.838.684.443
Các khoản tương đương tiền	123.000.000.000	32.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	130.891.327.316	54.131.609.503

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 1,9% đến 4,75% (1/1/2025: từ 1,9% đến 3,5%).

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất năm từ 2,9% đến 5,8% (1/1/2025: từ 2,9% đến 4,4%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****31/12/2025 và 1/1/2025**

Đơn vị	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Thành phố Huế, Việt Nam	5,00	5,00	7.495.524.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	7,12	650.000.000	(384.228.587)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	Thành phố Huế, Việt Nam	6,45	6,45	1.500.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	Hưng Yên, Việt Nam	2,65	2,65	1.008.000.000	(781.370.198)	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	Thành phố Huế, Việt Nam	0,44	0,44	191.150.682	-	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	Thành phố Huế, Việt Nam	0,70	0,70	248.770.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	Thành phố Huế, Việt Nam	0,24	0,24	90.610.000	-	(*)
				11.184.054.682	(1.165.598.785)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số cổ phiếu nhận bằng cổ tức mà Công ty không ghi nhận doanh thu tài chính và chi theo dõi số lượng bao gồm:

	31/12/2025 Cổ phiếu	1/1/2025 Cổ phiếu
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	235.903	235.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	624.144	624.144
Công ty của Cổ phần Sợi Phú Việt	11.914	11.914
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	4.367	4.367
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	7.358	7.358

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Aurora Investments Global	217.176.659.521	231.128.897.052
Kam Hing Piece Works Ltd.	64.602.202.253	-
Fujian Fynex Textile Science & Technology Co.,Ltd.	33.005.158.222	14.345.075.172
Công ty TNHH Fashion Garments 2	3.650.329.783	12.649.037.959
Singtex Pte., Ltd	3.940.848.553	12.361.155.203
Kam Hing Textile Macao Commercial Offshore Co., Ltd	-	15.346.810.875
Xiamen Fengzhu Trading Co.,Ltd	-	5.056.389.525
Các khách hàng khác	38.766.174.567	51.826.326.179
	361.141.372.899	342.713.691.965

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	15.381.301	300.640.405
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	11.364.601	12.661.994
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	7.735.939	7.644.535
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	27.822.620	63.555.840
	62.304.461	384.502.774

Các khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Trả trước cho người bán ngắn hạn****Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	64.800.000	-
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH Hiệp Thành	13.941.193.431	28.054.182.780
Viterra B.V.	12.031.837.065	-
Hangzhou Benma Chemfibre & Spinning Co., Ltd.	5.794.959.898	-
StoneX Switzerland SA.	5.545.262.342	-
Allenberg Cotton Co.	917.866.960	6.973.790.052
Olam Global Agri Pte Ltd.,	649.576.562	-
Devcot S.A.S	466.341.900	10.968.370.834
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	-	18.714.000.000
Các nhà cung cấp khác	11.031.908.743	17.154.603.322
	<hr/> 50.443.746.901	<hr/> 81.864.946.988

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
Ký quỹ tại ngân hàng (*)	22.456.761.643	-
Lãi tiền gửi	1.839.389.042	685.915.067
Lãi phạt chậm thanh toán	404.531.282	404.531.282
Phải thu khác	2.259.036.177	1.280.618.239
	<hr/> 26.959.718.144	<hr/> 2.371.064.588

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản ký quỹ này là các khoản tiền gửi ký quỹ thế chấp tại ngân hàng không có lãi để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ quá hạn

	31/12/2025			Giá trị có thể thu hồi VND	1/1/2025			Giá trị có thể thu hồi VND
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hưng Thành Đạt	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	-	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	-
Ông Bùi Thế Quân	Trên 3 năm	2.625.087.361	(2.625.087.361)	-	Trên 3 năm	2.541.936.609	(2.541.936.609)	-
Ông Nguyễn Trọng Bùi	Trên 3 năm	730.077.769	(730.077.769)	-	Trên 3 năm	706.952.247	(706.952.247)	-
Taijiuh Garment Co., Ltd.	Trên 3 năm	405.344.278	(405.344.278)	-	Trên 3 năm	392.504.827	(392.504.827)	-
		<u>6.584.767.236</u>	<u>(6.584.767.236)</u>	-		<u>6.465.651.511</u>	<u>(6.465.651.511)</u>	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			<u>(6.584.767.236)</u>				<u>(6.465.651.511)</u>	

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	18.843.554.184	-	1.454.457.493	-
Nguyên vật liệu	106.291.991.381	(1.343.610.052)	144.224.348.628	(1.582.986.512)
Công cụ và dụng cụ	18.697.624	-	39.741.704	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	74.978.943.636	-	73.560.865.176	-
Thành phẩm	29.016.347.943	-	28.951.671.934	(54.426.993)
Hàng gửi đi bán	11.538.725.832	-	34.604.541.796	-
	240.688.260.600	(1.343.610.052)	282.835.626.731	(1.637.413.505)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 160.000 triệu VND (1/1/2025: 160.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	293.176.682.134	760.237.275.266	25.652.607.751	10.328.498.637	9.468.229.110	1.098.863.292.898
Tăng trong năm	995.154.000	1.668.584.763	-	34.131.829	-	2.697.870.592
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.725.774.027	7.038.073.916	-	36.091.127	-	15.799.939.070
Thanh lý	-	(5.260.522.800)	(959.645.455)	-	-	(6.220.168.255)
Số dư cuối năm	302.897.610.161	763.683.411.145	24.692.962.296	10.398.721.593	9.468.229.110	1.111.140.934.305
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	188.385.744.923	583.385.375.880	19.037.348.026	9.347.637.167	4.416.104.506	804.572.210.502
Khấu hao trong năm	16.010.824.167	39.498.478.710	1.342.182.374	528.323.865	1.694.475.670	59.074.284.786
Thanh lý	-	(5.260.522.800)	(959.645.455)	-	-	(6.220.168.255)
Số dư cuối năm	204.396.569.090	617.623.331.790	19.419.884.945	9.875.961.032	6.110.580.176	857.426.327.033
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	104.790.937.211	176.851.899.386	6.615.259.725	980.861.470	5.052.124.604	294.291.082.396
Số dư cuối năm	98.501.041.071	146.060.079.355	5.273.077.351	522.760.561	3.357.648.934	253.714.607.272

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 650.873 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 582.145 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 92.094 triệu VND (1/1/2025: 120.558 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.500.399.579
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	147.000.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.647.399.579
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.053.296.671
Khấu hao trong năm	434.934.009
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.488.230.680
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	447.102.908
Số dư cuối năm	159.168.899
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 3.233 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 2.381 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.139.366.296	509.565.865
Tăng trong năm	101.956.498.194	46.375.321.148
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(15.799.939.070)	(45.745.520.717)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(147.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	87.148.925.420	1.139.366.296

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	2025 VND	2024 VND
Nhà máy may 3 tầng	86.336.349.798	920.039.714
Đầu tư bổ sung thiết bị sợi	420.000.000	73.400.000
Đầu tư hệ thống lò hơi, lò dầu tải nhiệt	64.687.037	-
Các công trình khác	327.888.585	145.926.582
	<hr/>	<hr/>
	87.148.925.420	1.139.366.296

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	7.372.269.724
Tăng trong năm	2.623.817.755
Phân bổ trong năm	(5.830.740.145)
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.165.347.334

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	907.200.000	-
Tổng Công ty Cổ Phần Dệt May Hòa Thọ	-	62.985.600
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	-	2.780.094.592
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH In Hoa Ruijia Việt Nam	7.714.933.531	6.253.704.917
Công ty Cổ phần Nguồn Việt Nam	6.554.584.597	7.393.937.410
Yau Kuen Industrial Co., Ltd.	5.928.597.918	6.485.055.874
Colorful Textile & Apparels Co.,Ltd.	5.298.787.695	1.224.618.804
Rosy Blossom Limited	905.796.204	294.756.081
Premier Exim (HK) Limited	21.899.504	1.249.185.069
Các nhà cung cấp khác	36.190.086.993	33.800.303.889
	63.521.886.442	59.544.642.236

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.107.151.086	23.613.281.731	(24.004.542.021)	715.890.796
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.300.333.867	(4.300.333.867)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.065.619.953	36.080.860.632	(36.265.619.953)	12.880.860.632
Thuế thu nhập cá nhân	1.076.649.055	5.829.881.793	(5.776.545.569)	1.129.985.279
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	903.305.456	(903.305.456)	-
Các loại thuế và phí khác	935.360	962.356.142	(962.751.342)	540.160
	15.250.355.454	71.690.019.621	(72.213.098.208)	14.727.276.867

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.345.183.000	24.460.244.000
Cổ tức phải trả - các cổ đông khác	11.946.114.317	15.335.994.372
Kinh phí công đoàn	904.725.791	527.259.821
Lãi vay ngân hàng	579.947.631	849.909.936
Các khoản phải trả khác	1.487.269.926	618.709.123
	33.263.240.665	41.792.117.252

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn	319.738.723.362	1.352.201.793.229	(1.305.948.424.533)	15.712.485	366.007.804.543
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	31.712.589.779	13.491.958.499	(30.907.315.718)	(7.298.232)	14.289.934.328
	351.451.313.141	1.365.693.751.728	(1.336.855.740.251)	8.414.253	380.297.738.871

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,2% - 3,3%	110.005.085.157	118.346.475.361
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2,3% - 3,8%	100.837.035.061	17.473.758.430
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	3,2% - 3,3%	87.754.176.489	23.659.234.622
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	3,6% - 4,2%	38.215.045.511	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3,4% - 3,7%	29.196.462.325	105.413.892.666
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,5% - 3,8%	-	54.845.362.283
			366.007.804.543	319.738.723.362

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay dài hạn	116.986.238.685	112.590.113.548
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(14.289.934.328)	(31.712.589.779)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	102.696.304.357	80.877.523.769
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	6,3%	2031	35.516.558.644	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,2% - 9,7%	2025	-	7.959.079.870
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	VND	4,5% – 5,8%	2025	-	23.200.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (**)	USD	SOFR 6 tháng + 0,7%	2039	81.469.680.041	81.431.033.678
				<hr/>	<hr/>
				116.986.238.685	112.590.113.548
				<hr/>	<hr/>

(*) Khoản vay này không được đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”), trị giá 3.088.603,61 USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 3.186.999,87 USD) và có hạn mức 7.018.550 USD.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn được ký quỹ tại ngân hàng (Thuyết minh 9), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 11) và tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	40.291.398.640	33.160.226.495
Trích lập trong năm	14.114.576.061	10.754.092.145
Tăng khác	8.400.000	1.380.000
Sử dụng trong năm	(5.081.900.000)	(3.624.300.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	49.332.474.701	40.291.398.640

21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt Quyết định số 1573/QĐ-HĐQT về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và Quyết định số 1599/QĐ-HĐQT về việc trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với số tiền là 36.000 triệu VND (tương đương 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025). Phần trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được Công ty hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	200.962.590.000	107.478.956.722	66.531.962.021	374.973.508.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	109.403.064.645	109.403.064.645
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(10.754.092.145)	(10.754.092.145)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 25)	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 24)	-	-	(60.288.777.000)	(60.288.777.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	200.962.590.000	127.478.956.722	84.892.157.521	413.333.704.243
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	150.784.050.073	150.784.050.073
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(14.114.576.061)	(14.114.576.061)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 25)	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 24)	-	-	(30.144.388.500)	(30.144.388.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	200.962.590.000	147.478.956.722	171.417.243.033	519.858.789.755

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.096.259	200.962.590.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2025 và 1/1/2025		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.230.122	60,86	122.301.220.000
Công ty TNHH Tường Long	1.710.635	8,51	17.106.350.000
Các cổ đông khác	6.155.502	30,63	61.555.020.000
	20.096.259	100,00	200.962.590.000

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Cổ tức**

Ngày 17 tháng 11 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 1319/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức cho cổ đông với số tiền 30.144 triệu VND (tương đương với tỷ lệ 15% vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 (2024: chia và tạm ứng cổ tức với số tiền 60.289 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024)).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Tại cuộc họp ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập quỹ đầu tư phát triển với số tiền 20.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 (2024: 20.000 triệu VND).

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	198.933	5.189.731.528	622.945	15.752.796.990
EUR	-	-	4	114.377
		<u>5.189.731.528</u>		<u>15.752.911.367</u>

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2025	1/1/2025
	Sản phẩm	Sản phẩm
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	5.086	6.027
	<u>5.086</u>	<u>6.027</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn cho các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	236.666.761.398	135.210.412.798
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	112.065.276.828	182.277.772.248
	<u>348.732.038.226</u>	<u>317.488.185.046</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo**

Tại ngày báo cáo ngày 31 tháng 12 năm 2025, theo các hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo, Công ty có các cam kết hoán đổi tiền tệ chéo nhằm phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với khoản vay bằng USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ USD	Tương đương VND	Nguyên tệ USD	Tương đương VND
Cam kết hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo	734,960.20	19,316,367,491	319,065.18	7,988,052,529

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm	2.235.630.557.262	1.920.172.925.604
▪ Doanh thu bán hàng hóa và phế liệu	35.902.536.231	33.172.891.640
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	75.971.401	55.105.749
	2.271.609.064.894	1.953.400.922.993
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(144.513.016)	-
	2.271.464.551.878	1.953.400.922.993

28. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Thành phẩm	1.892.818.624.316	1.666.809.486.475
Hàng hoá và phế liệu đã bán	35.397.321.389	31.296.002.403
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(293.803.453)	(3.422.185.439)
	1.927.922.142.252	1.694.683.303.439

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	7.958.901.322	3.249.265.465
Cổ tức	3.096.576.000	2.374.920.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.147.413.942	36.680.508.637
Lãi hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo	1.716.517.393	1.069.304.546
	<hr/>	<hr/>
	41.919.408.657	43.373.998.648

30. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	15.169.984.799	17.070.917.575
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	397.894.737
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.964.518.751	21.961.446.132
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	972.493.670	2.113.610.291
Chi phí hoán đổi tiền tệ chéo	729.903.383	-
Chi phí tài chính khác	165.370.370	-
	<hr/>	<hr/>
	25.002.270.973	41.543.868.735

31. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Phí giám sát đơn hàng	18.687.335.450	17.857.505.440
Phí xử lý hàng ở cảng	3.359.654.123	1.145.763.877
Chi phí vận chuyển	29.943.439.458	32.660.395.033
Chi phí hoa hồng môi giới	8.668.163.300	7.838.297.958
Chi phí khấu hao	152.647.267	106.413.396
Chi phí bán hàng khác	3.177.448.102	3.904.114.355
	<hr/>	<hr/>
	63.988.687.700	63.512.490.059

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	38.306.036.965	28.719.053.110
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	119.115.725	168.867.451
Chi phí khấu hao	3.234.381.850	895.086.665
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	1.520.704.951	2.798.909.015
Thuế, phí và lệ phí	7.026.772.734	5.665.205.238
Chi phí điện, nước	2.943.330.208	3.276.608.933
Chi phí ăn ca	1.801.353.863	1.803.021.430
Chi phí thuê đất	1.612.725.054	1.638.085.142
Công cụ, dụng cụ	3.446.553.318	2.722.077.408
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	36.000.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.918.644.618	15.501.823.842
	110.929.619.286	63.188.738.234

33. Thu nhập khác

	2025	2024
	VND	VND
Tiền điện nước thu từ các nhà thầu và các đơn vị khác	2.917.386.704	2.615.415.554
Lãi do thanh lý tài sản cố định	538.249.164	570.274.914
Thu nhập từ nguyên, phụ liệu gia công dư thừa kém phẩm chất	5.179.037.218	6.559.598.075
Các khoản khác	3.260.329.454	3.551.266.393
	11.895.002.540	13.296.554.936

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.090.654.214.448	1.023.777.541.950
Chi phí nhân công	616.835.529.149	524.745.098.016
Chi phí khấu hao	59.509.218.795	59.215.300.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.530.653.430	162.145.673.479
Chi phí khác	98.727.771.921	52.299.304.780

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	36.080.860.632	28.502.161.449
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	717.496.322
	<hr/> 36.080.860.632	<hr/> 29.219.657.771
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	2.591.389.613	(1.290.794.391)
	<hr/> 38.672.250.245	<hr/> 27.928.863.380

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	189.456.300.318	137.331.928.025
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	37.891.260.064	27.466.385.605
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.163.327.531	329.813.782
Thu nhập không bị tính thuế	(619.315.200)	(474.984.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	236.977.850	(109.848.329)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	717.496.322
	<hr/> 38.672.250.245	<hr/> 27.928.863.380

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	150.784.050.073	109.403.064.645
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dự kiến (*)	(19.453.321.079)	(12.319.809.352)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>131.330.728.994</u>	<u>97.083.255.293</u>

(*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2025 dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm 2025 và tỷ lệ trích quỹ khen thưởng và phúc lợi thực tế của năm 2024.

Số thực tế phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2024 (Thuyết minh 20) lớn hơn số mà Ban Giám đốc Công ty ước tính khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá chênh lệch này không trọng yếu, và do đó đã quyết định không điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024.

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025	2024
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	131.330.728.994	97.083.255.293
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (số cổ phiếu)	20.096.259	20.096.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>6.535</u>	<u>4.831</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Mua dịch vụ	382.508.498	375.980.474
Trả cổ tức bằng tiền	24.460.244.000	48.920.488.000
Tạm ứng cổ tức	18.345.183.000	24.460.244.000
Thanh toán gốc vay	23.200.000.000	23.200.000.000
Thanh toán gốc khoản vay từ nguồn vốn vay ADB	2.554.443.921	2.342.548.150
Lãi và phí của khoản vay từ nguồn vốn vay ADB	5.148.130.055	5.817.103.395
Lãi vay dự án Quảng Bình	673.054.246	1.798.778.632
 <i>Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex</i>		
Bán hàng hóa	304.449.908	410.580.926
Mua dịch vụ	89.949.390	119.269.695
 Các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	112.173.167	68.471.316
Mua dịch vụ	253.423.723	117.007.077
 <i>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	286.859.057	529.988.897
Mua hàng hóa	76.949.718	83.062.171
 <i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	4.098.706.464	-
 <i>Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	230.721.794	238.386.633
Mua hàng hóa và dịch vụ	83.908.823	99.420.715
 <i>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</i>		
Bán hàng hóa	2.527.358.720	-
Mua hàng hóa	-	2.527.358.720
 <i>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</i>		
Bán hàng hóa	-	408.316.749

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Đức Trị – Chủ tịch	555.000.000	420.000.000
Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên	291.000.000	84.000.000
Bà Nguyễn Hồng Liên – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Lê Hồng Quân – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	28.000.000	84.000.000
Bà Trần Thị Thuần – Thành viên	56.000.000	-
<hr/>		
Thành viên Ban Điều hành		
<i>Lương và thưởng</i>		
Bà Nguyễn Hồng Liên – Tổng giám đốc (từ ngày 01/01/2025)	1.544.456.000	977.110.409
Ông Nguyễn Văn Phong – Tổng giám đốc (đến ngày 31/12/2024)	-	1.541.564.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Phó Tổng giám đốc	-	783.402.602
Ông Lê Hồng Quân – Phó Tổng giám đốc	1.177.856.172	987.000.986
Ông Nguyễn Tiến Hậu – Phó Tổng giám đốc	1.179.738.512	1.007.154.381
Ông Đào Văn Tư – Phó Tổng giám đốc (từ ngày 15/4/2025)	1.098.142.801	838.262.695
Bà Trần Thị Thuần – Phó Tổng giám đốc (từ ngày 15/4/2025)	1.103.450.000	840.262.695
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng – Giám đốc điều hành	1.010.467.674	895.611.019
Bà Nguyễn Khánh Chi – Kế toán trưởng	887.334.022	753.191.822
<hr/>		
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>		
Bà Phan Nữ Quỳnh Anh – Trưởng ban	348.871.697	316.367.798
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên	110.500.000	80.100.000
Ông Hồ Nam Phong – Thành viên	595.496.085	524.712.347
<hr/>		
Giao dịch khác với người quản lý chủ chốt		
	2025	2024
	VND	VND
Trả cổ tức bằng tiền	645.002.000	1.290.004.000
<hr/>		

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

